

Số : 1226 /TB-CĐN-HCTH

Đồng Nai, ngày 12 tháng 1 năm 2021

THÔNG BÁO

Về việc danh sách đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải và bảng giá dịch vụ thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền

Kính gửi:

- Các khách hàng thuê, kho, bãi tại các Cảng
- Các đại lý tàu biển
- Chủ phương tiện tàu/thuyền cập cảng;

- Căn cứ Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc qui định quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển;

- Căn cứ Quyết định số 370/QĐ-CĐN-HCTH ngày 17/5/2019 của Công ty CP Cảng Đồng Nai về việc thu tiền chất thải từ khách hàng thuê kho/bãi/vendor và chủ phương tiện tàu/thuyền cập cảng;

- Căn cứ hợp đồng giữa Công ty CP Cảng Đồng Nai với Công ty CP Dịch vụ Sonadezi và Công ty TNHH xử lý môi trường sạch Việt Nam.

Nay Tổng Giám đốc Công ty CP Cảng Đồng Nai thông báo danh sách đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải và bảng giá dịch vụ thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền, cụ thể như sau:

A. Tên đơn vị cung ứng dịch vụ:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI

- Địa chỉ : Số 22B, đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2
- Điện thoại : 02518. 890 888 Fax: 0618. 890 199
- Mã số thuế: 3600890938

2. Công ty TNHH xử lý môi trường sạch Việt Nam

- Địa chỉ : Lô 2, KXL chất thải tập trung Tóc tiên, xã Tóc Tiên, thị xã

Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Điện thoại : 02543. 948354 Fax: 02543. 948 454
- Mã số thuế: 3501556403

B. Bảng giá dịch vụ thu gom và xử lý: Có đính kèm bảng giá kèm theo.

Thông báo này có hiệu lực kể từ ngày ký, yêu cầu Giám đốc cảng Long Bình Tân/ Gò Dầu/ và Giám đốc các phòng/ ban nghiệp vụ có liên quan thông báo cho khách hàng thuê kho/ bãi/ vendor và các chủ phương tiện tàu/ thuyền cập Cảng biết nội dung và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Chủ tịch HĐQT (để báo cáo);
 - Ban TGD (để biết);
 - Lưu VT.
- trình ký 2021 tháng \TB thug om CTNH tu tau thuyen

TỔNG GIÁM ĐỐC



The stamp is circular with a red border. Inside, it reads 'M.S.D.N: 3600334' at the top, 'CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI' in the center, and 'TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI' at the bottom. A blue ink signature is written across the stamp.

Nguyễn Ngọc Tuấn



The stamp is circular with a red border. Inside, it reads 'CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI' in the center, and 'TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI' at the bottom.

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ

Thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1226/QĐ-CDN-HCTH ngày 18/11/2021)

T T	TÊN CHẤT THẢI NGUY HẠI	Đơn vị tính	Đơn giá	Ghi chú
1	Các loại giẻ lau, phụ gia đã qua sử dụng, than hoạt tính thải và bã lọc chứa thành phần nguy hại khác	Kg	7.000	
2	Pin, ắc qui thải và chất điện phân từ pin và ắc qui	Kg	14.000	
3	Hộp mực in và chất thải từ in ấn	Kg	9.000	
4	Các loại hắc ín và than đá thải	Kg	9.000	
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	Kg	32.000	
6	Bao bì thùng chứa nhiễm hoá chất và các chất nguy hại khác	Kg	10.000	
7	Bùn thải nguy hại các loại phát sinh từ chủ nguồn thải	Kg	12.000	
8	Các loại cặn phản ứng và cặn đáy tháp chưng cất khác	Kg	12.000	
9	Các loại chất thải từ ngành chế biến đồ gỗ, giấy và bột giấy có chứa các thành phần nguy hại	Kg	7.000	
10	Các loại chất thải từ ngành y tế, dược và thú y có chứa các thành phần nguy hại	Kg	7.000	
11	Các sản phẩm vô cơ và hữu cơ các thành phần nguy hại	Kg	9.000	
12	Chất kết dính, bịt kín, gắn kết, hoá dẻo và keo thải	Kg	7.000	
13	Chất tách khuôn thải có chứa các thành phần nguy hại	Kg	12.000	
14	Chất thải chứa bạc từ quá trình xử lý chất thải phim ảnh	Kg	12.000	
15	Chất thải có chứa Silicon nguy hại	Kg	13.000	
16	Chất thải lỏng có chứa các thành phần nguy hại	Kg	7.000	
17	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng, chất thải rắn có chứa các thành phần nguy hại	Kg	9.000	

T T	TÊN CHẤT THẢI NGUY HẠI	Đơn vị tính	đơn giá	Ghi chú
18	Chất thải từ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có chứa các thành phần nguy hại	Kg	9.000	
19	Da thú có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình thuộc da	Kg	14.000	
20	Hoá chất thải và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm	Kg	9.000	
21	Linh kiện thiết bị điện, điện tử, bo mạch, tụ điện thải	Kg	10.000	
22	Dầu nhiên liệu, dầu diesel thải, dầu thủy lực tổng hợp thải, dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải, nhũ tương và các chất thải từ nhũ tương	Kg	9.000	
23	Phẩm màu và chất nhuộm thải có chứa các thành phần nguy hại	Kg	9.000	
24	Phương tiện giao thông thải bỏ và các chất thải từ quá trình phá dỡ phương tiện giao thông có chứa các thành phần nguy hại	Kg	10.000	
25	Sơn, vecni thải và chất thải có chứa sơn và vecni	Kg	7.000	
26	Xi, vụn kim loại, que hàn thải và bụi các loại có chứa các thành phần nguy hại	Kg	14.000	

Trường hợp chất thải nguy hại không có trong danh mục trên, công ty sẽ tham khảo danh mục chất thải nguy hại tại phụ lục 1 thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quản lý chất thải nguy hại.

Danh mục các chất thải rắn không nguy hại

Bảng 1

TT	Nhóm loại chất thải rắn	Mô tả, tính chất
1	Chất thải rắn sinh hoạt, dịch vụ	
1.1	Phế thải từ hộ gia đình	
1.1.1	Phế thải thực phẩm	Phế thải rắn, chứa các chất hữu cơ dễ phân hủy hoặc phân hủy nhanh, đặc biệt khi thời tiết nóng ẩm, thải bỏ từ quá trình chế biến, buôn bán, tiêu dùng thực phẩm.
1.1.2	Phế thải khác	Phế thải rắn, không có khả năng phân hủy thối rữa nhưng dễ gây ra bụi, như các phần còn lại của các quá trình cháy (như tro xỉ, tro than...), thải ra từ các hộ gia đình hoặc từ các loại bếp, lò đốt; các đồ gia dụng đã qua sử dụng, được làm từ các loại vật liệu khác nhau.
1.2	Phế thải từ các cơ sở công cộng, dịch vụ	Các phế thải như nói ở 1.1 và các phế thải rắn không nguy hại khác, có ít hoặc không có khả năng phân hủy thối rữa; như giấy và các sản phẩm giấy đã sử dụng, nhựa, chai lọ, thủy tinh, kim loại, gốm sứ, đất cát, bụi đất,... thu gom được từ các bãi tắm, công viên, khu vực công cộng/dịch vụ, công sở, trường học,... hoặc đường phố.
2	Chất thải rắn xây dựng	
2.1	Phế thải từ hoạt động xây dựng.	Phế thải được thải ra do phá dỡ, cải tạo các hạng mục/công trình xây dựng cũ, hoặc do xây dựng các hạng mục/công trình mới (nhà, cầu cống, đường giao thông...); như vôi vữa, gạch ngói vỡ, bê tông, ống dẫn nước, tấm lợp, v.v. và các vật liệu khác.
3	Chất thải rắn công nghiệp	
3.1	Phế thải của các quá trình công nghệ sản xuất công nghiệp và phế thải rắn của các cơ sở xử lý.	Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại (như nêu trong phụ lục A của tiêu chuẩn này hoặc trong Danh mục B của Phụ lục I, Quy chế quản lý chất thải nguy hại), thải ra từ các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, hoặc từ các công trình xử lý nước thải, xử lý khí thải, xử lý chất thải rắn.

47
 GT
 H
 N
 G
 N

Bảng A-B.1 Kim loại và chất thải chứa kim loại

Mã số	Mã Số Basel	Mô tả chất thải không phải chất thải nguy hại	ghi chú
[B1010]		Các chất thải kim loại và hợp kim ở dạng không phân tán	
		Các kim loại quý (vàng, bạc, nhôm platin loại trừ thủy ngân)	
		Vụn sắt và thép	
		Vụn đồng	
		Vụn Niken	
		Vụn nhôm	
		Vụn kẽm	
		Vụn thiếc	
		Vụn Wolfram	
		Vụn Molybden	
		Vụn Titan	
		Vụn Magie	
		Vụn coban	
		Vụn Bismut	
		Vụn Titan	
		Vụn Zircon	
		Vụn Mangan	
		Vụn Gecmani	
		Vụn Vanadi	
		Vụn Hafni, indi, Niobi Rheni và Gali	
		Vụn Thori	
		Nguyên tố đất hiếm	
[B1020]		Vụn kim loại sạch, không bị lẫn, gồm cả hợp kim ở dạng khối thành phẩm (lá, tấm, que,...) thuộc loại:	
	Y 27	Vụn Antimon	
	Y 20	Vụn Beryli	
	Y 26	Vụn Cadimi	
	Y 31	Vụn chì(nhưng loại trừ axit chì)	
	Y 25	Vụn Selen	
	Y 28	Vụn Telu	
[B 1030]		Các kim loại bền nhiệt có chứa chất bản khác	

[B1040]		Các chi tiết thải từ thiết bị phát điện không bị bắn bởi dầu bôi trơn, PCB hoặc PCT, ở mức nồng độ nhỏ hơn 50mg/kg	
[B1050]		Hỗn hợp các kim loại màu, các vụn thải hợp phần KL nặng, không chứa các vật liệu của phụ lục I ở các nồng độ đủ để biểu thị đặc tính của phụ lục III (1)	
[B1060]	Y 25/ Y 28	Selen và Telu kim loại, kể cả bột kim loại	
[B1070]		Chất thải đồng và hợp kim đồng ở dạng phân tán, trừ khi chúng chứa những chất trong phụ lục I ở mức độ biểu thị các đặc tính của phụ lục III	
[B1080]	Y 23	Tro và cặn kẽm kể cả cặn dư hợp kim kẽm ở dạng phân tán, trừ khi chúng chứa những chất trong phụ lục I ở mức độ biểu thị các đặc tính của phụ lục III (2)	
[B1090]		Ắc qui thải đảm bảo những đặc tính đã thỏa trừ những ắc qui làm từ chì, Cadimi hoặc thủy ngân (xem mục liên quan trong danh mục A [1170])	
[B1100]		Chất thải kim loại từ nấu, luyện và tinh chế kim loại	
	Y 23	Que hàn kẽm cứng	
		Xi nấu chảy chứa kẽm	
		Cặn xỉ kẽm điện phân dạng khối trên bề mặt(>90%Zn)	
		Cặn xỉ kẽm điện phân dạng khối ở đáy(>92%Zn)	
		Xi đúc kẽm dạng vảy(>85%Zn)	
		Xi kẽm nấu bằng điện phân nóng chảy ở dạng khối(nấu không liên tục>(>92%Zn)	
		Kẽm hót trên bề mặt	
		Nhôm hót trên bề mặt trừ xỉ lò muối	
	Y 22	Xi từ quá trình chế biến đồng dùng để tiếp tục chế biến hoặc tinh chế không chứa Asen, chì hoặc Cadimi ở mức độ mà chúng biểu thị các đặc tính cả phụ lục III	
		Chất thải từ vật liệu chịu lửa để lát lò, bao gồm lò nấu chảy kim loại có nguồn gốc từ lò nấu đồng	
		Xi từ quá trình chế biến kim loại quý để tinh chế tiếp	
		Xi thiếc có chứa tantal nhỏ hơn 0,5% thiếc	
[B1110]		Các chi tiết điện và điện tử thải bỏ	
		Các chi tiết điện tử chỉ chứa kim loại hay hợp kim	

		Các chi tiết hay mảnh vụn từ thiết bị điện hay điện tử (3), kể cả mạch in, không có các chi tiết như pin và ắc qui nằm trong danh mục A, công tắc thủy ngân, thủy tinh từ đèn catod và thủy tinh hoạt tính khác và các tụ điện có PCB, hoặc không lẫn với các chất trong phụ lục I (tức là Cadimi, thủy ngân, chì, PCB) hoặc từ đó mà chúng bị thải đi, đến một mức độ mà chúng không mang đặc tính gì có trong phụ lục III (xem mục liên quan trong danh mục A [A 1180])	
		Các chi tiết điện và điện tử (kể cả bộ mạch in, linh kiện và dây dẫn) nhằm trực tiếp sử dụng lại (4) và không phải để tái chế hoặc đổ đi	
[B 1120]		Các chất xúc tác đã dùng, loại trừ chất lỏng được dùng như là chất xúc tác có chứa một trong các:	
		Kim loại chuyển tiếp, không kể các chất xúc tác đã dùng, chất lỏng được dùng như là chất xúc tác hoặc chất xúc tác khác) ở danh mục A như:	
		Scandi, Titan	
		Vanadi, Crom	
		Mangan, sắt	
		Coban, Nicken	
		Đồng, kẽm	
		Ytri, Zircon	
		Niobi, Molybden	
		Hafni, Tantan	
		Volfram, Rheni	
		Lantanid (đất hiếm)	
		Lantan, Ceri	
		Praseodym, Neody	
		Samari, Europi	
		Gadolini, Terbi	
		Dysprosi, Holmi	
		Tabi, Thuli	
		Ytterbi, Luteti	
[B 1130]		Các chất xúc tác chứa kim loại quý đã được làm sạch	
[B 1140]		Cặn dư chứa kim loại quý ở thể rắn mà có chứa các vết Xyanua vô cơ	
[B 1150]		Các chất thải kim loại và hợp kim (vàng, bạc, nhôm gốc Platin trừ thủy ngân) ở thể lỏng với bao bì, nhãn phù hợp	
[B 1160]		Tro kim loại quý từ việc đốt các bộ mạch in (xem mục liên quan trong danh mục A [A1150])	
[B 1170]	Y 16	Tro kim loại quý từ việc đốt phim ảnh	
[B 1180]	Y 16	Phim ảnh thải có chứa hợp chất của bạc halogen và bạc kim loại	

[B 1190]	Y 16	giấy ảnh thải có chứa hợp chất của bạc halogenua và bạc kim loại	
[B 1200]		Xi từ sản xuất sắt và thép dạng cục	
[B 1210]		Xi từ sản xuất sắt và thép kể cả xi như là nguồn oxit Titan (TiO ₂) và vanadi	
[B 1220]		Xi từ sản xuất kẽm, được ổn định bằng phương pháp hóa học, có hàm lượng sắt cao (trên 20%) và được chế biến theo các yêu cầu kỹ thuật công nghiệp, chủ yếu cho xây dựng	
[B 1230]		Vảy đúc cán từ sản xuất sắt và thép	
[B 1240]	Y 22	Vảy đồng oxit từ công nghệ đúc cán	

Chú ý:

(1) Chú ý: khi những vật liệu lúc đầu bị nhiễm bẩn ở mức độ thấp (theo phụ lục 1) nhưng sau đó, do những quá trình khác kể cả các quá trình tái chế, có thể lại tạo ra những hợp phần riêng biệt có nồng độ cao hơn.

(2) Về tro kẽm hiện đang được xem xét và đã có khuyến nghị với Hội nghị Liên Hợp quốc về thương mại phát triển là tro kẽm không nên coi là hàng hóa nguy hại.

(3) Mục này không gồm mảnh vụn thừa từ quá trình sản xuất điện năng.

(4) Việc sử dụng lại có thể gồm sửa chữa, tân trang lại hoặc nâng cấp nhưng cơ bản không phải là lắp ráp lại.

